

gảm hàng, thiếu hụt nguồn cung, sốt giá giả tạo, các hành vi đầu cơ, tăng giá đột biến trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đưa hàng hoá, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu về tận vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

II. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, CUNG - CẦU HÀNG HÓA

1. Tình hình thị trường trong tháng 01/2022 và những ngày Trước Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022

- Theo thông tin, báo cáo và trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp, thương nhân trên địa bàn tỉnh thì nhìn chung Các Chợ, Trung tâm thương mại, Siêu thị, Cửa hàng xăng dầu sẽ mở cửa phục vụ nhân dân đến hết ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết Âm lịch) và có lịch trực, mở cửa phục vụ nhân dân phù hợp trong những ngày nghỉ Tết. Cụ thể tại một số các chợ trung tâm, siêu thị lớn trên địa bàn như sau:

+ Chợ Đông Kinh, chợ Kỳ Lừa, chợ Chi Lăng sẽ duy trì họp chợ đến 18h ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết);

+ Siêu thị VinMart: ngày 24/01 - 30/01/2022 mở cửa từ 07h00-22h30, ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết) mở cửa từ 07h00-12h00 và hoạt động trở lại vào 08h00 ngày 04/02/2022 (tức ngày mùng 04 Tết); hệ thống cửa hàng VinMart+ ngày 24/01 - 30/01/2022 mở cửa từ 06h00-22h30, ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết) mở cửa từ 06h00-12h00 và hoạt động trở lại vào 07h00 ngày 04/02/2022 (tức ngày mùng 04 Tết);

+ Siêu thị Đồng Tiến mở cửa đến 19h00 ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết) và hoạt động trở lại vào 08h30 ngày 03/02/2022 (tức ngày mùng 03 Tết);

+ Siêu thị Thành Đô mở cửa đến 13h ngày 31/01/2022 (tức ngày 29 Tết) và hoạt động trở lại vào ngày 06/02/2022 (tức ngày mùng 06 Tết).

Hệ thống các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh đã chủ động trong tổ chức kinh doanh, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân với chủng loại hàng hóa đa dạng và phong phú, phục vụ rộng khắp tới các xã, thôn, bản.

- Do thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nêu trên nên mặc dù đã là thời điểm sát Tết Nguyên đán nhưng tình hình thị trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ đầu tháng 01/2022 đến nay nhìn chung ổn định, chỉ có một số nhóm mặt hàng lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng,... tăng nhẹ so với tháng trước. Hoạt động mua bán hàng hóa trên địa bàn diễn ra bình thường, các loại mặt hàng đa dạng, phong phú với nhiều chủng loại đã đáp ứng được nhu cầu mua sắm của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Để nắm bắt thực tế tình hình cung - cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương đã ban

hành kế hoạch và thành lập đoàn khảo sát nắm tình hình cung cầu hàng hóa, giá cả thị trường và công tác bình ổn giá tại chợ của các xã, thị trấn của 04 huyện Đình Lập, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Bình Gia và thành phố Lạng Sơn (chợ Bờ Sông và chợ Giếng Vuông) vào các ngày 13, 19, 20, 24 tháng 01 năm 2022; đồng thời cử cán bộ thường xuyên khảo sát tình hình cung – cầu, giá cả thị trường trong những ngày giáp Tết. Qua khảo sát tình hình thị trường cho thấy:

+ *Về cung - cầu*: Nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết Nguyên đán dồi dào và phong phú, các loại hình kinh doanh đa dạng, rộng khắp từ các khu đô thị, trung tâm tới các khu vực nông thôn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết. Không phát sinh các hiện tượng không lành mạnh trong quan hệ cung cầu. Tại các siêu thị lớn trên địa bàn, các sản phẩm bánh mứt kẹo, giỏ quà Tết được bày bán với nhiều mẫu mã, chủng loại phong phú phục vụ nhu cầu mua sắm Tết của người dân. Giá thịt lợn năm nay giảm hơn so với mọi năm, đồng thời một số siêu thị đã nhập số lượng hàng sơ chế, hàng đồ hộp cao nên đã đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân.

+ *Về giá cả*: Do lượng cung dồi dào, cùng tâm lý không tích trữ thực phẩm như trước, do đó đến ngày 25/01/2022 (tức ngày 23 âm lịch), giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết cơ bản ổn định và không có biến động lớn so với những ngày trước. Giá các mặt hàng thiết yếu tại khu vực thành phố Lạng Sơn và khu vực các huyện có sự chênh lệch, tuy nhiên không đáng kể. Giá cả cơ bản tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước. Riêng mặt hàng dầu ăn tăng cao hơn so với những tháng trước và so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông, Chợ TT Đình Lập, Chợ TT Bắc Sơn, Chợ Vũ Sơn, Chợ TT Bình Gia, Chợ Phông xã Vân Nham, cụ thể như sau: Bí xanh 10.000đ/kg, Cải ngồng 6.000-7.000/kg, Khoai tây 10.000-12.000đ/kg; Cà chua 20.000-25.000đ/kg; Dưa chuột 15.000đ/kg; Cà rốt: 10.000-12.000 đ/kg; Bắp cải: 10.000đ/kg; Su hào: 15.000đ/kg; Súp lơ: 13.000-15.000đ/cây; Đổ xanh nguyên vỏ: 32.000đ/kg; Lạc: 15.000 đ/bơ; Lá Dong: 50.000đ/100 lá; Mứt tết: 25.000-30.000/hộp (400g); Cam sành 10.000-15.000đ/kg; Cá chép (nuôi) 75.000đ/kg; cá trắm (đen) 80.000đ/kg; Gà giò (Gà làng) 150.000đ/kg; Gà Sống Thiến dao động khoảng 170.000 – 180.000 đ/kg, giá thịt lợn thành phẩm các loại dao động từ 90.000-100.000 đ/kg (*giá thịt lợn thành phẩm cùng kỳ năm 2021 dao động từ 120-130.000 đ/kg*).

+ *Về nhu cầu tiêu dùng*: Qua kiểm tra, khảo sát và nắm tình hình thị trường nhận thấy nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn tại thời điểm kiểm tra, khảo sát chậm hơn so với cùng kỳ do hiện nay có rất nhiều cửa hàng tiện ích mới được mở ra và các hình thức mua bán hàng online, do vậy người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn trong việc mua sắm hàng hóa.

3. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo

Dự báo giá cả các mặt hàng thiết yếu sẽ có xu hướng tiếp tục ổn định trở lại ở thời điểm sau tết do mọi hoạt động sẽ dần trở lại với nhịp sống như ở thời gian trước tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022./.

(Kèm theo biểu báo cáo giá bán một số mặt hàng thiết yếu)

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (B/c);
- Vụ TTTN - Bộ Công Thương (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên Website TMĐT);
- Phòng KHTH;
- VP Sở (đăng trên Website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Liều Anh Minh

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /01/2022 của SCT Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Thời điểm báo cáo	Mức tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
1	Điện sinh hoạt				
	+ Từ 0-50Kw	đ/kw	1.678	1.678	
	+ Từ 51-100Kw	đ/Kw	1.734	1.734	
	+ Từ 101-200Kw	đ/Kw	2.014	2.014	
	+ Từ 201-300Kw	đ/Kw	2.536	2.536	
	+ Từ 301-400Kw	đ/Kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401Kw trở lên	đ/Kw	2.927	2.927	
2	Than tổ ong	đ/viên	4.000	4.000	
3	Thép tròn φ6, φ8 (thép Thái Nguyên)	đ/kg	18.400	18.400	
4	Gạch, ngói				
	- Ngói Hạ Long	đ/viên	14.000	14.000	
	- Gạch Hợp Thành A1	đ/viên	1.090	1.090	
	- Gạch Bắc Giang A1	đ/viên	1.400	1.400	
	- Gạch Quyết Thắng A1	đ/viên	1.300	1.300	
	- Gạch chỉ hai lỗ	đ/viên	1.300	1.300	
5	Xi măng – Cát - Đá				
	- Xi PC 30 Visai	đ/tấn	1.185.000	1.185.000	
	- Xi PC 40 Visai	đ/tấn	1.280.000	1.280.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch p30	đ/tấn	1.610.000	1.610.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch p40	đ/tấn	1.655.000	1.655.000	
	- Xi măng Lạng Sơn 30	đ/tấn	1.000.000	1.000.000	
	- Xi măng Lạng Sơn 40	đ/tấn	1.045.000	1.045.000	
6	Tại thời điểm báo cáo giá xăng dầu (từ ngày 30/12/2021 đến hết ngày 25/01/2022 đã có 02 lần điều chỉnh vào các ngày 11/01/2022 và 25/01/2022)				
6.1	Lần điều chỉnh thứ nhất (15h00 ngày 11/01/2022)				
	- Xăng RON95-V	đ/lít	24.260	24.850	+ 220
	- Xăng E5RON92	đ/lít	23.000	23.610	+ 610
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	17.920	18.590	+ 670
6.2	Petrolimex điều chỉnh ngày 25/01/2022				

	- Xăng RON95-V	đ/lít	24.850	25.350	
	- Xăng E5RON92	đ/lít	23.610	24.060	
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	18.590	19.270	
7	Phân bón				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	9.300	9.300	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	7.000	7.000	
8	Vở học sinh (48 trang)	đ/quyển	7.500	7.500	
9	Đường				
	- Đường kính trắng Lam Sơn	đ/kg	23.000	23.000	
	- Đường kính trắng Xuất khẩu	đ/kg	22.500	22.500	
10	Mỳ tôm	đ/gói		3.500-5.000	
11	Muối tinh biển xanh Hanufood 500g/30	đ/kg	4.800	4.800	
12	Dầu ăn				
	- Dầu Neptune Gold-Light	đ/lít	53.000	55.000	+2.000
	- Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	54.000	57.000	+3.000
	- Dầu Cái Lân	đ/lít	41.500	41.500	
	- Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	53.000	55.000	+2.000
13	Nước (đóng chai)	đ/lít	4.000-5.000	4.000-5.000	
14	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5.000-6.000	5.000-6.000	
15	Lương thực, thực phẩm				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	14.000	14.000	
	- Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	20.000	20.000	
	- Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	30.000	30.000	
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	26.000	26.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	58.000-60.000	60.000-63.000	+ 2.000 + 3.000
	- Thịt lợn vai	đ/kg	85.000	90.000	+ 5.000
	- Thịt mông sấn	đ/kg	80.000	85.000	+5.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	100.000	100.000-110.000	--10.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	80.000	80.000	
	- Sườn lợn	đ/kg	120.000	120.000	
	- Thịt bò bắp giòn	đ/kg	320.000	300.000	-20.000

	- Thịt bò thăn	đ/kg	320.000	300.000	-20.000
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	75.000	60.000	-15.000
	- Gà giò	đ/kg	140.000	140.000	
	- Gà Sông Thiên	đ/kg	170.000- 180.000	170.000- 180.000	
16	Rau, củ, quả				
	- Dưa chuột	đ/kg	15.000	15.000	
	- Khoai tây	đ/kg	17.000	17.000	
	- Cà chua	đ/kg	30.000	20.000- 25.000	
	- Bắp cải trắng	đ/kg	12.000	12.000	
	- Bắp cải tím	đ/kg	25.000	25.000	
	- Ngồng Cải Bắp	đ/kg	10.000	6.000- 7.000	-4.000 -3.000
	- Su Su	đ/kg	10.000	10.000	
	- Xúp lơ xanh	đ/kg	20.000	13.000- 15.000	-7.000 -15.000
	- Cà Rốt	đ/kg	15.000	10.000- 12.000	-5.000 -3.000
	- Bưởi da xanh	đ/kg	55.000	55.000	
	- Quýt Bắc Sơn	đ/kg	30-35.000	30-35.000	
17					
	- Cám gà	đ/kg	14.000	14.000	
	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	10.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	9.000	9.000	